

Số: *3124*/QĐ-UBND

Bỉm Sơn, ngày *21* tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt phương án Bồi thường GPMB cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu thể thao và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.



CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trương Thị Phương, khu phố 2, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn;

Xét tờ trình số: *1580* /TTr-HĐBT ngày *10* tháng 8 năm 2017 của Hội đồng bồi thường GPMB dự án về việc đề nghị điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt phương án Bồi thường GPMB cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu thể thao và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt phương án Bồi thường GPMB cho

các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu thể thao và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Tại **Điều 1** Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND thị xã Bỉm Sơn ghi:

“Phê duyệt phương án bồi thường GPMB cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu thể thao và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 1.578.726.843đ.

(Một tỷ năm trăm bảy tám triệu bảy trăm hai sáu nghìn tám trăm bốn ba đồng)

Trong đó:

1.1. Số tiền chi trả cho hộ: 1.547.771.415đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 570.800.000đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Vật kiến trúc: 6.142.200đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 970.829.215đ

1.2. Chi phí tổ chức thực hiện GPMB 2%: 30.630.828đ

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn của Công ty TNHH XL&VT Phục Hưng.

3. Bố trí tái định cư: Không.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.”

Nay điều chỉnh lại như sau:

“**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường GPMB cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu thể thao và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB là: 2.987.584.095đ.

(Hai tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu năm trăm tám tư nghìn không trăm chín lăm đồng)

Trong đó:

1.1. Số tiền chi trả cho các hộ: 2.929.004.015đ

- Bồi thường về Đất đai: 1.952.032.600đ

- Bồi thường, hỗ trợ Vật kiến trúc: 6.124.200đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 970.829.215đ

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

1.2. Chi phí tổ chức thực hiện GPMB 2%: 58.580.080đ.

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn của Công ty TNHH XL&VT Phục Hưng.

3. Bố trí tái định cư: Không.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.

* Các Điều còn lại của Quyết định số 1145/QĐ – UBND ngày 03/4/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn được giữ nguyên.

* **Lý do điều chỉnh:** Do có sự thay đổi về loại đất thu hồi, để bồi thường GPMB theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 2974/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn.

Điều 2. Hội đồng bồi thường GPMB theo chức năng đã quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, tổ chức bồi thường thiệt hại GPMB theo chính sách, chế độ nhà nước đã quy định. Thực hiện GPMB kịp thời gian, đảm bảo tiến độ thi công, công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thị xã; Trưởng các phòng QLĐT, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường, Kinh tế; UBND phường Ba Đình; Công ty TNHH xây lắp vận tải Phục Hưng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3QĐ;
- Lưu: VT.



Tổng Thanh Bình

BẢNG TÓM HỌP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN BỒI HƯỜNG GPMB

Dự án: Khu thể thao và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình, Thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 31/2017/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)



STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Số thửa	Diện tích đất thu hồi GPMB (m ²)	Số tiền bồi thường về đất (đ)	Số tiền bồi thường, hỗ trợ về Vật kiến trúc (đ)	Số tiền bồi thường, hỗ trợ về cây hoa màu (đ)	Tổng tiền (đ)
1	Đỗ Quốc Bám Mai Thị Toán	Khu phố 4, P Ba Đình	20, 25	284.8	12,299,400	-	15,209,000	27,508,400
2	Hoàng Văn Thìn Nguyễn Thị Quyên	Khu phố 4, P Ba Đình	8, 16	4,800.5	147,213,800	-	98,147,873	245,361,673
3	Đỗ Văn Khoan Hoàng Thị Đoạt	Khu phố 4, P Ba Đình	6, 7	9,723.7	301,270,000	-	160,277,787	461,547,787
4	Hoàng Văn Nhâm Trương Thị Phương	Khu phố 4, P Ba Đình	4, 5, 9, 11, 15, 28	18,844.0	798,339,600	-	260,943,895	1,059,283,495
5	Ngô Minh Thư Ngô Thị Cải	Khu phố 4, P Ba Đình	18, 21, 23, 27, 29	3,811.0	105,430,400	-	55,887,550	161,317,950
6	Lê Minh Dân Trần Thị Quyên	Khu phố 4, P Ba Đình	17, 26	325.1	9,753,000	-	22,476,300	32,229,300
7	Hoàng Thị Phòng	Khu phố 4, P Ba Đình	22., 30	693.1	22,832,400	-	11,530,500	34,362,900
8	Lê Phú Duy Lê Thị Định	Khu phố 4, P Ba Đình	13	5,087.2	152,616,000	-	96,319,640	248,935,640
9	Lê Phú Lộc Nguyễn Thị Toan	Khu phố 4, P Ba Đình	12	1,007.0	30,210,000	-	16,021,900	46,231,900
10	Lê Hữu Kiên Nguyễn Thị Loan	Khu phố 4, P Ba Đình	1	2,290.7	68,721,000	-	44,162,405	112,883,405

11	Nguyễn Văn Trường Mai Thị Hợi	Khu phố 4, P Ba Đình	14	6,520.0	195,600,000	6,142,200	128,618,215	330,360,415
12	Phạm Tiến Dũng Nguyễn Thị Lương	Khu phố 4, P Ba Đình	19, 24, 35, 37	3,540.7	106,221,000	-	60,345,400	166,566,400
13	Trần Xuân Khôi Lê Thị Liên	Khu phố 4, P Ba Đình	34	108.4	1,084,000	-	483,750	1,567,750
14	Nguyễn Văn Nhiên	Khu phố 4, P Ba Đình	33	44.2	442,000	-	405,000	847,000
	CỘNG			56,928	1,952,032,600	6,142,200	970,829,215	2,929,004,015
	Chi phí 2% Hội đồng							58,580,080
	Tổng Cộng							2,987,584,095